

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Bình

2. Ông Nguyễn Văn Đời

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: “*Ly hôn, con chung*” theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXX-ST ngày 15/6/2018, quyết Đ hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HPT ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm 1996; địa chỉ: 152 đường Bùi Huy B, phường N, quận S, Tp. Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc Đ; Sinh năm 1992; địa chỉ: 77 đường N, phường N, quận S, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ sống chung với nhau từ đầu năm 2013, đến năm 2016 mới kết hôn tại UBND phường N, quận S. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại 77, đường, phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau vì anh Đ có nghiện ma túy đá, chị L nhiều lần khuyên can nhưng không được. Chị L lo sợ nguy hiểm đến tính mạng cũng như sức khỏe vì anh Đ không kiềm chế cảm xúc được cho đến năm 2017 chị L và anh Đ sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm chị L xác Đ không còn yêu thương anh Đ nữa nên xin được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/9/2013. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thùy D và không yêu cầu anh Nguyễn Khắc Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời cũng không có bản tự khai thể hiện ý kiến của mình nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành, đồng thời cũng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ

của mình. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, không có ý kiến của anh Đ về vấn đề này. Do vậy, sau này có tranh chấp giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Khắc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Khắc Đ đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ tồn tại hàng chục năm qua nhưng chị L cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là do quan điểm sống trái ngược nhau, anh Đ lại nghiện ma túy nên chị L lo sợ nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe do anh Đ không kiềm chế cảm xúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm và chăm sóc cho nhau trong cuộc sống. Riêng anh Nguyễn Khắc Đ, Tòa án triệu tập hợp lệ tại phiên tòa các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đ vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện

phần nào về việc anh Đ không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Trên cơ sở đó, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ theo thủ tục chung. Anh Đ phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện các yêu cầu của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ, Hội đồng xét xử xem thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã mất đi, không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét cho chị L ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xét thấy vị trí hàng nom, nuôi dưỡng, giáo dục con em quy định trong giao con cho mẹ hoặc bố trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quy định của pháp luật và lợi ích của con, nên bố mẹ phải thỏa thuận để quyết định cho con sống với bố hay mẹ. Hiện nay con Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/9/2013 đang sống cùng với gia đình anh Đ. Tuy nhiên, hiện nay con vẫn còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, HĐXX xét giao con Nguyễn Thùy D cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không xét đến.

[4]. Về tài sản chung: Chị L xác nhận không có

[5]. Về nợ chung: Chị L xác nhận không có

Tuy nhiên không có ý kiến này của anh Đ về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này nếu các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6]. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Kiện xin ly hôn, con chung*" của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Khắc Đ.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Khắc Đ.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Khắc Đ nên giấy chứng nhận kết hôn số 57 do UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/4/2016 cho chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Khắc Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Sau này nếu các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng chị L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008615 ngày 28/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm, ngày 13/7/2018. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quy định vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậm chức ban sao ảnh hưởng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ

